

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của HĐND tỉnh Sơn La phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định 2736/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 464/TTr-SXD ngày 24/12/2024, Kết quả thẩm định số 261/KQTD-SXD ngày 24/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Vân Hồ.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư

4.1. Mục tiêu: Dự án sau khi hoàn thiện sẽ tạo mặt bằng sạch để phục vụ thi công, đáp ứng yêu cầu về tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; phục vụ cho việc quản lý mặt bằng theo quy hoạch; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong vùng dự án có điều kiện để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

4.2. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng 04 khu tái định cư trên địa bàn huyện Vân Hồ, bao gồm:

4.2.1. Khu tái định cư bản Nà Chá, xã Chiềng Khoa:

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 2,5 ha;
- San nền 18 lô nền tái định cư, 01 nền nhà văn hóa, 01 nền khu vực cây xanh, sân thể thao;
- Khu vực nhà văn hóa, bao gồm: Nhà văn hóa 1 tầng diện tích xây dựng 250,4m²; nhà vệ sinh 1 tầng diện tích xây dựng 11,37m²; sân, cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ khác;

- Đường nội bộ: 03 tuyến đường nội bộ chiều dài khoảng 777,95m;

- Cấp điện, cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác;

4.2.2. Khu tái định cư bản Pà Puộc, xã Chiềng Yên:

- Diện tích quy hoạch khoảng 3,5ha;
- San nền 35 lô nền tái định cư;
- Đường nội bộ: 03 tuyến đường nội bộ chiều dài khoảng 847,69m;
- Cấp điện, cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác;

4.2.3. Khu tái định cư bản Páng, xã Chiềng Khoa:

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 2,5ha;
- San nền 17 lô nền tái định cư, 01 nền nhà văn hóa, 01 nền khu vực cây xanh, sân thể thao;

- Đường nội bộ: 01 tuyến nội bộ chiều dài khoảng 471,98m; cải tạo phạm vi nút giao tuyến xây dựng và hiện trạng;

- Cấp điện, cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác;

4.2.4. Khu tái định cư Bản Ui, xã Mường Men:

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 3,5ha;

- San nền 30 lô nền tái định cư, 01 nền nhà văn hóa, 01 nền khu vực cây xanh, sân thể thao;

- Đường nội bộ: 01 tuyến nội bộ chiều dài khoảng 350,76m;

- Cấp điện, cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác.

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu

5.1. San ủi nền nhà, nền nhà văn hóa, khu vực cây xanh, sân thể thao

- Trên cơ sở địa hình tự nhiên, tận dụng tối đa địa hình hiện trạng để bố trí các ô san nền cho các hộ dân, nhà văn hóa, khu vực cây xanh, sân thể thao; nền hiện trạng được san gạt đánh cấp bám sát theo độ dốc của đường giao thông và đường nội bộ để đảm bảo vượt nối hợp lý vào nhà dân; nền hiện trạng được san theo phương pháp mặt cắt được thể hiện qua các cọc địa hình; mái taluy: Mái đào tỷ lệ 1/0,75, mái đắp tỷ lệ 1/1÷1/1,5. Tại các vị trí ta luy cao bố trí kè chắn đất bằng đá hộc vữa xi măng mác 100;

- Điều phối đất, đá: Trên cơ sở tính toán khối lượng san nền thực hiện cân bằng đào đắp, để tận dụng tối đa đất đào vận chuyển cự ly gần sang đắp; khối lượng còn thừa vận chuyển ra bãi thải.

5.2. Khu vực Nhà văn hóa (*Khu tái định cư bản Nà Chá, xã Chiềng Khoa*)

5.2.1. Nhà văn hóa 1 tầng; diện tích xây dựng 250,4m²

- Kiến trúc: Chiều dài nhà 21,6m, chiều rộng nhà 10,8m; bước gian 4,8m, 3,0m; bước nhịp 7,2m; hành lang trước nhà và hai bên rộng 1,8m; cao độ nền nhà cốt ±0,00 cao hơn cốt sân 0,75m; chiều cao tầng 3,9m; chiều cao mái 1,83m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà ±0,00 đến đỉnh mái 5,73m; nền nhà lát gạch ceramic kích thước (60x60)cm; bậc tam cấp mài granito; cửa đi, cửa sổ bằng cửa khuôn thép, kính dày 5,0mm; lan can hành lang thép hộp sơn chống gỉ; tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn trực tiếp không bả;

- Kết cấu: Móng cọc bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250); đài cọc, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); đệm đài móng bê tông cấp độ bền B7,5 (mác 100), dày 10cm; tường xây gạch vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50; trát cột, dầm, trần vữa xi măng mác 75; cấu tạo mái: Tôn múi dày 0,35mm/ xà gồ thép/ vữa vữa xi măng/ vữa xi măng/ vữa xi măng;

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối với hệ thống điện của khu vực đến tủ điện tổng cấp điện cho toàn nhà. Sử dụng các thiết bị điện: Bóng đèn tuýp led công suất 40W, đèn ốp trần công suất 40W, quạt treo tường

công suất 60W...; toàn bộ dây dẫn được đặt trong ống gen đi chìm tường;

- Chống sét: Sử dụng kim thu sét Ø18mm mạ kẽm, dây dẫn và dây thu sét Ø10mm, dây tiếp địa Ø16mm, cọc tiếp địa thép hình đều cạnh. Điện trở của bộ phận tiếp địa $\leq 10 \Omega$;

- Phòng chống cháy nổ: Hệ thống chữa cháy được thiết kế với phương án bình chữa cháy xách tay;

- Thoát nước mái: Sử dụng ống PVC Ø90mm thu nước mái thoát ra rãnh ngoài nhà.

5.2.2. Nhà vệ sinh 1 tầng; diện tích xây dựng 11,37m²

- Kích thước nhà (3,53x3,22)m; cao độ nền nhà cốt $\pm 0,00$ cao hơn cốt sân 0,15m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà $\pm 0,00$ đến đỉnh mái 3,25m; nền nhà lát gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm; tường trong nhà ốp gạch ceramic kích thước (30x60)cm, cao 2m; cửa đi, cửa sổ bằng cửa khuôn nhôm, kính dày 5,0mm; tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn trực tiếp không bả;

- Móng, dầm, sàn bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); đệm móng bê tông cấp độ bền B7,5 (mác 100), dày 10cm; tường xây gạch vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50; trát dầm, trần vữa xi măng mác 75;

- Nước sạch được lấy từ nguồn nước chung của khu vực lên téc nước mái. Ống cấp nước trong công trình dùng ống nhựa chịu nhiệt PPR đi ngầm trong tường. Nước thải dùng ống PVC thiết kế thu gom từ các xí, tiểu xuống bể tự hoại cùng với nước thoát sàn, chậu rửa, thoát nước mái thoát ra rãnh ngoài nhà.

5.2.3. Sân, cổng, tường rào, các hạng mục phụ trợ khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

5.3. Đường giao thông

5.3.1. Thiết kế bình đồ, mặt bằng tuyến: Cơ bản phù hợp với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt, địa hình thực tế và kết nối với các nền nhà.

5.3.2. Thiết kế trắc dọc: Thiết kế theo nguyên tắc kết hợp hài hoà giữa các yếu tố bằng và các yếu tố đứng, phù hợp với cao độ xây dựng các công trình trên tuyến, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế, êm thuận trong quá trình vận hành xe và đảm bảo giảm thiểu khối lượng đào đắp cũng như khối lượng các công trình phụ trợ khác. Độ dốc dọc lớn nhất sử dụng $I_{\max} = 15\%$, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật.

5.3.3. Thiết kế trắc ngang: Bề rộng nền đường $B_n = 7,5\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$; bề rộng lề đường $B_{l\text{ề}} = 2 \times 2\text{m} = 4\text{m}$ (trong đó lề gia cố rộng $2 \times 1\text{m} = 2\text{m}$); độ dốc ngang mặt đường $I_m = 2\%$; độ dốc ngang lề đường $I_{l\text{ề}} = 4\%$;

5.3.4. Nền đắp: Nền đất tự nhiên được đào bóc lớp hữu cơ, lớp đất bùn bề mặt trước khi đắp nền đường. Các đoạn có độ dốc ngang lớn được đánh cấp, độ chặt K95, mái ta luy 1/1,5 với đắp đất, 1/1 với đắp đá.

5.3.5. Nền đào: Căn cứ vào địa chất cụ thể của từng tuyến và thể nằm của các lớp đất đá để đào nền và tạo mái taluy có tỷ lệ phù hợp khi xây dựng nền

đường; mái taluy đào từ 1/0,3÷1/0,75.

5.3.6. Thiết kế mặt đường: Lớp mặt bê tông xi măng cấp độ bền B22,5 (mác 300) dày 18cm/ lớp bạt cách ly/ lớp cấp phối đá dăm dày 15cm/ lớp đất đầm chặt.

5.3.7. Lề đường gia cố: Thiết kế lề đường gia cố hai bên bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200)/ lớp đất đầm chặt.

5.3.8. Thiết kế nút giao: Thiết kế vuốt nối hài hòa, đồng mức, cơ bản đảm bảo an toàn và êm thuận cho xe chạy.

5.3.9. Các công trình trên tuyến

- Rãnh dọc Khu tái định cư bản Nà Chá, xã Chiềng Khoa và Khu tái định cư bản Pà Puộc, xã Chiềng Yên:

+ Rãnh dọc đường bê tông lắp ghép có dạng hình thang tại vị trí phía ta luy dương, kích thước rộng đáy 40cm, sâu rãnh 40cm; vị trí qua nhà dân bố trí tấm đan rãnh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250), dày 12cm;

+ Rãnh dọc hình chữ nhật bên phía khu dân cư tái định cư kích thước (40x40)cm; đáy rãnh bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10cm; thành rãnh xây bằng gạch không nung đặc vữa xi măng mác 100; vị trí qua nhà dân bố trí tấm đan rãnh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250), dày 10cm;

- Rãnh dọc Khu tái định cư bản Páng, xã Chiềng Khoa và Khu tái định cư Bản Ui, xã Mường Men: Thiết kế hình chữ nhật kích thước (60x60)cm kết cấu bằng bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250), tấm đan rãnh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250);

- Tại các vị trí vị trí ta luy đường cao ảnh hưởng tới đất của hộ dân tái định cư và hộ dân hiện trạng thiết kế kè chắn đất xây đá hộc vữa xi măng mác 100;

- Các loại cống qua đường, rãnh chịu lực: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

5.3.10. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế đầy đủ theo quy định QCVN 41-2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và phù hợp với điều kiện thực tế.

5.4. Hạng mục cấp điện

5.4.1. Công trình cấp điện cho 4 điểm tái định cư

- Xây dựng đường dây trung thế 22kV cấp điện cho trạm biến áp xây dựng mới, 2 trạm biến áp với tổng công suất 125kVA cấp điện cho 02 điểm tái định cư, đường dây hạ thế cấp điện cho 04 điểm tái định cư, các tuyến đường dây chiếu sáng cho 04 điểm tái định cư, lắp đặt công tơ cấp điện cho các hộ sử dụng điện.

5.4.2. Công trình di chuyển đường điện: Tháo dỡ các vật tư, thiết bị trên tuyến trung và hạ áp hiện có nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; cải tạo và di chuyển các tuyến đường dây trung và hạ

áp ra ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng cụ thể:

- Di chuyển và cải tạo tuyến đường dây 22kV: 1,5 km;
- Di chuyển và cải tạo tuyến đường dây 35kV: 5,5 km;
- Di chuyển và cải tạo tuyến đường dây 0,4kV: 2,5 km;
- Xây dựng mới tuyến cáp ngầm 22kV: 50 m.

5.5. Hạng mục cấp nước sinh hoạt

5.5.1. Điểm tái định cư bản Pà Puộc: Cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân với công suất 36,3m³/ngày đêm. Các hạng mục chính gồm: Sửa chữa đập đầu mối; bể lắng 2 ngăn; trạm cấp nước (*gồm: Nhà trạm bơm, trạm lọc áp lực, bể hút, sân, cống, tường rào; nhà chứa thiết bị khử trùng...*); tuyến đường ống; cấp nước hộ gia đình (*xây dựng 44 téc inox 2m³ và sân rửa*).

5.5.2. Điểm tái định cư bản Nà Chá: Cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân với công suất 18,63m³/ ngày đêm. Các hạng mục chính gồm: Đầu nổi lấy nước từ nhà máy nước xã Chiềng Khoa; tuyến đường ống; cấp nước hộ gia đình (*xây dựng 23 téc inox 2m³ và sân rửa*).

5.5.3. Điểm tái định cư bản Páng: Cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân với công suất 25m³/ ngày đêm. Nguồn cấp nước được lấy từ bể chứa cấp nước hiện trạng ở phía Bắc của dự án hiện đang cấp cho khu dân cư. Các hạng mục chính gồm: Hồ van có lắp đồng hồ đo lưu lượng; tuyến đường ống; cấp nước hộ gia đình (*xây dựng 27 téc inox 2m³ và sân rửa*).

5.5.4. Điểm tái định cư bản Ui: Cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân với công suất 30m³/ ngày đêm. Các hạng mục chính gồm: Xây dựng mới đập đầu mối; bể lắng 2 ngăn; trạm cấp nước (*gồm: Nhà trạm bơm, bể lọc áp lực, bể chứa nước sạch, sân, cống, tường rào...*); tuyến đường ống; cấp nước hộ gia đình (*xây dựng 30 téc inox 2m³ và sân rửa*).

5.6. Các hạng mục, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

6.1. Nhà thầu chính: Tổng công ty cổ phần thiết kế Giao thông vận tải - CTCP; địa chỉ: Số 278 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

6.2. Nhà thầu phụ khảo sát, lập dự án

- Công ty TNHH xây dựng Tuấn Phúc Sơn La (*khảo sát; thiết kế hạng mục san nền, đường giao thông, nhà văn hóa, cấp nước sinh hoạt Khu tái định cư bản Nà Chá, xã Chiềng Khoa và Khu tái định cư bản Pà Puộc, xã Chiềng Yên*); địa chỉ: Số nhà PG2-19, Vin Com Sơn La, tổ 3 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La;

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng phát triển Hùng Phát (*thiết kế hạng mục san nền, đường giao thông, cấp nước sinh hoạt Khu tái định cư bản Páng, xã Chiềng Khoa và Khu tái định cư Bản Ui, xã Mường Men*); địa chỉ: Nhà số 2, ngõ 6, tổ dân phố 4 phố Ao Sen, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;

- Công ty cổ phần điện Tân Thành (*thiết kế hạng mục cấp điện*); địa chỉ: Số nhà 29, ngõ 317 phố Bùi Xương Trạch, tổ 4, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;
- Diện tích sử dụng đất: Theo quy hoạch được duyệt.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Dự án nhóm B;
- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III; giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, cấp IV;
- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Không nhỏ hơn 50 năm.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: 02 bước.

10. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu

- QCVN 07:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;
- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCVN 41-2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về biển báo hiệu đường bộ;
- TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;
- TCXD 112-1984: Hướng dẫn thực hành khảo sát đất xây dựng bằng thiết bị mới (thiết bị do PNUD đầu tư) và sử dụng tài liệu thiết kế công trình;
- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;
- TCVN 9401-2012: Tiêu chuẩn đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa xây dựng- yêu cầu chung;

- TCVN 9402-2012: Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng vùng Các-tơ;
- TCVN 9437-2012: Khoan thăm dò địa chất công trình;
- TCCS 31-2022/TCĐBVN: Đường ô tô-Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 41-2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu;
- TCVN 10380-2014: Đường giao thông nông thôn-Yêu cầu thiết kế (vận dụng);
- TCVN 104-2007: Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị-Yêu cầu thiết kế (vận dụng);
- TCVN 13592-2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế (vận dụng);
- TCCS 39-2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCXDVN 333-2005: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCXDVN 259-2001: Chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;

- TCVN 3890-2023: Phòng cháy chữa cháy-Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí;
- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCVN 7957-2023: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9845-2013: Quy trình tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 456.000 triệu đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu tỷ đồng*), trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC: 372.991,253 Triệu đồng
- Chi phí xây dựng: 60.798,101 Triệu đồng
- Chi phí thiết bị: 1.865,314 Triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án: 1.049,383 Triệu đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 7.022,650 Triệu đồng
- Chi phí khác: 2.172,794 Triệu đồng
- Chi phí dự phòng 10.100,504 Triệu đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024-2025.

13. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh;
- Dự kiến kế hoạch vốn:

DVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2024-2025	456.000	456.000

14. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Giao Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Vân Hồ (chủ đầu tư)

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Thực hiện các nội dung theo kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 261/KQTĐ-SXD ngày 24/12/2024.

2. Sở Xây dựng: Chủ trì thẩm định các nội dung của chủ đầu tư đồng thời với việc thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trình phê duyệt dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Vân Hồ; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, KT.Việt25b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh